TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **393**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29.7.2020
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Nguyễn Hồng Bách**
Hội thẩm nhân dân: **Ông D Xuân Đính**
Bà Đỗ Thị Thúy Hằng
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Ông Hoàng Minh Anh**
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ tham gia phiên toà: **Bà Nguyễn Thùy Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 29/7/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 190/2020/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn",theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXX ngày 02/07/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Vương Thị H**, sinh năm 1987; HKTT và nơi ở: Thôn Bến T, Bắc H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Hiện cư trú tại: Thôn Quảng H, xã Quang T, huyện Sóc S, Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: **Anh Trương Đình C,** sinh năm 1980; HKTT và nơi ở: Thôn Bến T, Bắc H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Vương Thị H:

Ông Bùi Văn T, luật sư văn phòng luật sư Thủy Nguyên, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*****Theo đơn khởi kiện ngày 11.5.2020 và các lời khai chị Vương Thị H - Nguyên đơn trình bày:

Chị kết hôn với anh Trương Đình C ngày 3.1.2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc H, huyện Đ, TP. Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống tại Thôn Bến T, Bắc H, huyện Đ, Hà Nội. Ngay sau khi về sống chung cùng một mái nhà do bố mẹ chồng không hợp với vợ chồng chị nên thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn, gia đình lúc nào cũng căng thẳng.

Năm 2015 anh C xin phép cho ra ngoài ở riêng. Khi về thăm nom bố mẹ chồng thì ông bà vẫn chửi bới và xua đuổi anh chị.

Năm 2017 chị về Công ty cùng làm với chồng nhưng hai vợ chồng không thống nhất được quan điểm về kinh doanh nên chị đã chuyển lại quyền quản lý công ty cho anh C

Năm 2018 do sức khỏe của bố mẹ chồng không tốt nên anh C đã đưa hai mẹ con chị về nhà ở Bến T, Bắc H, Đ sinh sống. Về đó thì thường xuyên xảy ra xung đột và đã nhiều lần ông bà đuổi mẹ con chị đi ra khỏi nhà. Nhưng chị cố chịu đựng để gia đình được hòa thuận.

Nhưng cuộc sống vợ chồng luôn luôn mâu thuẫn nên cuối tháng 3 năm 2020 chị đã chuyển về ở với bố mẹ đẻ ở Đa P, Sóc S, Hà Nội ở cho đến nay. Cũng từ đó gia đình chồng và anh C cản trở hai mẹ con chị được gần nhau.

Chị H thấy tình cảm với anh C không còn. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C

- Về con chung: Chị H và anh C có 01 con chung là cháu Trương Đại D, sinh ngày 06.01.2015. Khi ly hôn, chị H yêu cầu giao cháu D cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Bị đơn anh Trương Đình C trình bày*:*

Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị H đã trình bày. Hiện tại anh, chị đã sống ly thân, chị H chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị H xin ly hôn, anh C đồng ý ly hôn

- Về con chung: Anh C và chị H có 01 con chung là cháu Trương Đại D, sinh ngày 06.01.2015. Anh C đề nghị được nuôi cháu D, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn: Anh C đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng chăm sóc, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự:

Chị H và anh C đều đã thỏa thuận li hôn nên đề nghị Tòa án ghi nhận sự thuận tình li hôn của hai anh chị.

Về nuôi con chung sau li hôn: anh C và chị H đều yêu cầu được nuôi con chung. Điều kiện của hai anh chị đều có nhà đất của mình để làm chỗ ăn ở; cả hai đều có thu nhập. Như vậy cả hai đều có đủ điều kiện để đảm bảo cho sự phát triển của cháu D. Tuy nhiên hiện nay cháu D mới 5 tuổi, chị H lại đang đi đi làm thuê, công việc kế toán của chị chủ động về thời gian hơn so với anh C hiện đang quản lí điều hành 2 công ty. Nên giao cháu D cho Chị H chăm sóc nuôi dưỡng sau li hôn là phù hợp nhất. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

Về tài sản chị hằng và anh C không đề nghị Tòa án giải quyết nên không có ý kiến gì.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

Về thủ tục tố tụng : Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư kí và các đương sự đều đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định.

Về nội dung : Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị H và anh C. Giao cháu Đại D cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con của anh C cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí chị H phải chịu án phí không có giá ngạch.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 11.5.2020 chị H đã có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trương Đình C và nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn hiện cư trú tại Thôn Bến T, Bắc H, huyện Đ, Hà Nội nên Tòa án thụ lý đơn khởi kiện nên việc thụ lí đơn và thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền về loại việc và thẩm quyền về lãnh thổ.

Chị H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn, nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Anh C không yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung.

Tòa án xác định vụ án có nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng là đúng và đầy đủ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, cho đương sự và Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Tòa án đã tiến hành triệu tập đương sự đến để ghi lời khai và triệu tập bị đơn đến Tòa làm việc theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Chị H và anh C kết hôn tự nguyên, có đăng kí kết hôn nên hôn nhân trên là hợp pháp.

Lí do ly hôn hai bên mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân, hai bên không quan tâm, chăm sóc gì với nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh C và chị H đã thống nhất thuận tình ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh C và chị H.

Con chung vợ chồng: Chị C và chị H có 01 con anh C và chị H đều yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C và chị H đều đã được giải thích về quyền lợi của đứa trẻ sau khi bố mẹ ly hôn nhưng cả hai đều không yêu cầu cập dưỡng nuôi con.

Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

"..2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Xem xét về điều kiện thu nhập, chỗ ăn ở anh C và chị H đều có chỗ ăn ở (có đất ở, nhà ở qua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nộp cho Tòa án); đều có công việc và có thu nhập. Tuy nhiên căn cứ quyền lợi về mọi mặt của của cháu D trong đó có đặc biệt quan tâm xem xét đến độ tuổi của cháu D hiện mới chỉ 5 tuổi rất cần sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ. Hội đồng xét xử thấy giao cháu D cho chị H chăm sóc trong giai đoạn này là phù hợp nhất. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp chăm sóc con sau ly hôn của chị H.

Tài sản chung vợ chồng chị H, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 227 Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17, Điều 19, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Ghi nhận sự thuận tình li hôn của chị Vương Thị H và anh Trương Đình C

Về con chung: chị H và C có 1 con chung là cháu Trương Đại D, sinh ngày 06.1.2020. Khi ly hôn, giao cháu Trương Đại D cho chị Vương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trương Đình C cho đến khi cháu D thành niên hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác

Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí chị Vương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2018/0016136 ngày 11.5.2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ nay được chuyển thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị H, anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự trong vụ án;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Ủy ban nhân dân xã Bắc H, Hà Nội để vào sổ đăng kí kết hôn số 02/2014 quyển 01-2004
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Bách